MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA TRIỀU NGUYỄN ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ SỬ DỤNG HOẢ KHÍ GIAI ĐOẠN 1802 - 1884

TRƯƠNG ANH THUẬN*
NGUYỄN NGỌC ĐOÀN**

Từ năm 1802 đến năm 1884, nhận thức rõ sự hiệu quả cũng như tầm quan trọng của hoả khí đối với việc ổn định tình hình nội trị, đặc biệt là chống lại âm mưu xâm lược của thực dân phương Tây, các vua triều Nguyễn đã dành sự quan tâm đặc biệt đối với hoả khí. Trong đó, bên cạnh việc đẩy mạnh hoạt động chế tạo loại vũ khí này thì triều Nguyễn cũng tìm cách quản lí hiệu quả việc sử dụng hoả khí. Từ các ghi chép trong hai bộ sử lớn của triều Nguyễn là *Đại Nam thực lục* và *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, giới nghiên cứu có thể nhận ra rằng, triều Nguyễn đã tạo ra một "hành lang pháp lí" để quản lí vấn đề sử dụng hoả khí thông qua việc ban hành các quy định về bắn súng khi tàu thuyền ra vào tấn sở; đặt súng đại bác ở các thành, trấn; lắp đặt súng trên thuyền công; sử dụng thuốc nổ cho các loại súng; sử dụng hoả khí trong thao diễn và định lệ thưởng phạt đối với hoạt động sử dụng hoả khí. Bài viết bước đầu nghiên cứu một số quy định của triều Nguyễn đối với vấn đề sử dụng hỏa khí trong giai đoạn 1802-1884.

1. Quy định bắn súng khi tàu thuyền ra vào tấn sở

Là quốc gia duyên hải, thường xuyên có tàu thuyền lui tới các cảng biển quan trọng như Đà Nẵng, Thuận An, Hà Tiên , nên để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý các tàu thuyền cập và rời cảng, triều Nguyễn đã có quy định cụ thể về việc treo cờ và bắn súng trên các tàu cũng như pháo đài ở các cửa biển. Định lệ này được thực hiện chặt chẽ và tùy thuộc vào hạng thuyền (lớn - bé), thứ bậc (thuyền quan - thuyền dân), nhiệm vụ (vận tải trong nước hay đi công việc nước ngoài), vai trò, vị trí của các cửa biển mà có những hạn định cụ thể.

Đại Nam thực lục ghi chép, tháng 11 năm 1824, khi các thuyền hiệu Bình Dương, Định Dương, Bình Ba, An Ba, đi việc công ở Hạ Châu và Giang Lưu Ba, triều đình chuẩn định: "Từ nay những thuyền lớn như Thụy Long, Bình Dương đi đến cửa biển Đà Nẵng, thì lúc mới đến treo cờ vàng, bắn 3 phát súng, đài Điện Hải cũng treo cờ vàng bắn 7 phát súng; khi về đến ngoài cửa Thuận An thì thuyền và đài Trấn hải đều treo cờ vàng, bắn 3 phát súng. Định làm lệnh mãi mãi. Nếu các thuyền

*TS. Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
**ThS. Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn, Tp. Đà Nẵng

cùng vào cảng, dẫu có bắn súng nhiều tiếng, trên đài cũng chỉ bắn như lệ thôi" (1). Đối với đài Trấn Hải, tháng 1 năm 1830, triều đình đã đặt lệ treo cờ và bắn súng đối với các hạng thuyền lớn ra biển làm việc công; thuyền lớn đi công cán nước ngoài; số lượng thuyền trong 1 đội khi cùng rời, cập bến; thuyền ở Kinh đi tuần hoặc chở vật hạng công, thuyền ô, thuyền lê; tàu thuyền ngoại quốc Theo đó, thuyền lớn bọc đồng, thuyền lớn hai cột buồm ở Kinh đi ra biển làm việc công thì mỗi thuyền treo cờ vàng và bắn 3 tiếng súng lớn, còn thuyền ô, thuyền lê thì chỉ treo cờ không bắn súng; thuyền lớn đi công cán ngoại quốc trở về đến ngoài cửa biển, thì trên đài treo cờ đỏ khánh hỷ rồi bắn 3 tiếng súng lớn. Nếu thuyền lớn có 2, 3 chiếc hoặc 4, 5 chiếc cùng đến một lúc, cũng chỉ bắn 3 tiếng súng; thuyền ở Kinh đi tuần bắt hoặc chở vật hạng công, trở về đến ngoài cửa biển, trên đài treo cờ đỏ khánh hỷ, bắn 3 tiếng súng lớn. Trong bang thuyền hoặc có thuyền lớn bọc đồng từ 2 chiếc trở lên cùng đến một lúc, mỗi thuyền có treo cờ vàng và bắn 3 tiếng súng, trên đài cũng chỉ bắn 3 tiếng súng. Còn thuyền ô, thuyền lê thì chỉ treo cờ không bắn súng (2).

Tuy nhiên, đến tháng 6 năm 1835, triều đình cho định lại lệ kéo cờ, bắn súng ở thành Trấn Hải để phù hợp với những hạng thuyền mới. "Đối với các thuyền lớn 4, 5 cột buồm và hạng thuyền lớn 2 cột buồm, không kể có bọc đồng hay không, hễ phái đi ra nước ngoài, khi ra cửa biển, trên thuyền bắn ba phát súng, thì trên thành cũng đáp lại bằng 3 phát; khi trở về, trên thành kéo cờ mừng màu đỏ, bắn 3 phát súng. Còn các thuyền được phái đi các địa phương trong nước thì lúc ra, vào cửa biển, thì trên thành đều không phải bắn súng . Đối với thuyền ngoại quốc đến đậu ngoài tấn sở, nếu là quan thuyền vì có công việc mà đến, trên thuyền có bắn súng, không cứ là mấy phát, thì trên thành cũng chỉ bắn 3 phát để đáp lại; nếu là thuyền buôn có bắn súng trước 7 phát hoặc 9 phát để chào mừng thì trên thành cũng bắn đáp lại 3 phát. Nếu thuyền kia chỉ bắn 3 phát thì trên thành bất tất bắn đáp lại" (3). Cùng với định lệ bắn súng treo cờ ở cửa biển Thuận An, triều đình cũng đã định lệ treo cờ bắn súng ở các cửa biển khác như đài An Hải, Điện Hải (Đà Nẵng, 1830), pháo đài Kim Dữ (Hà Tiên, 1832),

Tháng 6 năm 1837, mặc dù "việc treo cờ bắn súng khi thuyền công ra vào đã có lệ định", nhưng trong quá trình thực hiện còn xảy ra tình trạng "khuyết lược, sâm si, không đều" (4) ở Thuận An và Đà Nẵng, vì vậy, triều Nguyễn đã định lại việc bắn súng, treo cờ cho thống nhất. "Về thuyền phái đi nước ngoài, không cứ là hạng thuyền nào, khi ra vào cửa biển Thuận An, trên thuyền treo cờ vàng, bắn 3 phát súng, thành Trấn Hải cũng treo cờ vàng, bắn 3 phát súng để trả lời, gián hoặc số thuyền từ 2 chiếc trở lên đồng thời ra ngoài cửa biển, trên thuyền bắn súng dẫu nhiều, trên thành cũng chỉ bắn trả lời 3 phát mà thôi, nếu có thuyền nào nguyên không mang súng như loại thuyền Nam hưng, thì khi ra vào cửa biển, trên thành cũng treo cờ vàng bắn 3 phát súng, phàm những thuyền đi ngoại quốc làm việc công về đến cửa biển Thuận An thì thành Trấn Hải chiểu lệ treo cờ bắn súng, lại treo thêm cờ đỏ khánh hỷ ở trên cờ vàng, nếu thuyền ấy khi đi đường, đã đến địa phương nào đậu lại, hàng hóa trong thuyền đã bốc lên, chỉ còn thuyền không trở về thì cờ đỏ khánh hỷ không phải treo nữa. Và thuyền phái đi ngoại quốc, khởi hành từ cửa biển Thuận An, thành

Trấn Hải đã bắn súng, thuyền ấy chuyển vào cửa biển Đà Nẵng bỏ neo đỗ lại, thì ở thuyền cùng 2 thành Điện Hải, An Hải đều không phải bắn súng nữa " (5). Đối với các hạng thuyền lớn, như có hiệu Bình, Định, thuyền Nam hưng ở thuyền đều theo cỗ súng mang đi trước mà bắn, ở thành trả lời thì dùng súng hạng to. Còn các thuyền Hải vận, Giang vận, Hải đạo, Ô, Lê đều gọi là thuyền hạng nhỏ, ở thuyền cũng đều theo cỗ súng mang đi trước mà bắn, ở thành bắn trả lời, dùng súng hạng vừa, còn như thuyền ngoại quốc đến đỗ, phải bắn trả lời, đều dùng súng hạng to (6).

Dưới thời vua Tự Đức, vào năm 1872, trước những thay đổi của tình hình đất nước, triều đình cũng chuẩn định lệ các đồn cửa biển bắn súng trả lời. Theo đó, thuyền công của nước ngoài đến, họ bắn súng mừng từ 20 tiếng trở lên, thì bắn đáp 9 tiếng, từ 19 tiếng trở xuống, thì bắn đáp lại 3 tiếng, nếu họ chỉ bắn 1 - 2 tiếng, thì ta cũng bắn đáp lại 1 - 2 tiếng. Nếu là thuyền buôn, họ bắn súng mừng từ 7 tiếng trở lên, thì bắn súng đáp lại 3 tiếng, không đến 7 tiếng, thì không phải bắn đáp lại (7). Việc chuẩn định bắn súng ở các cửa biển, đồn lũy này rất quan trọng, nó mang tính hiệu lệnh, vừa kiểm soát được tình hình an ninh, tình hình tàu thuyền rời, cập cảng, vừa quản lý được việc sử dụng súng ống, đạn dược ở những nơi quan trọng.

2. Quy định đặt súng đại bác ở các thành, trấn

Đại bác là loại vũ khí quan trọng trong việc canh giữ các thành, đồn lũy, cửa biển. Tùy thuộc vào quy mô, vai trò, vị trí các thành, đồn lũy mà triều đình chuẩn định số lượng, hạng súng, thuốc súng cho các thành, đồn . Tiêu biểu như tháng 8 năm 1833, vua Minh Mệnh cho ban hành quy định cụ thể về việc chia đặt súng lớn ở các tỉnh thành, phủ thành, huyện thành thuộc Bắc Kỳ. Theo quy định cũ, "phủ thành và huyện thành nên đặt súng hồng y bằng gang hạng lớn, hạng vừa, hạng nhỏ, phủ thì mỗi thứ súng ấy, 12 khẩu, huyện thì mỗi thứ 8 khẩu. Đến bấy giờ lại sắc cho các tỉnh thành mỗi sở đặt 2 súng đại luân xa bằng đồng; lại đặt xen vào súng quá sơn bằng đồng, súng tích sơn bằng đồng, súng hồng y bằng gang. Phủ thành đổi đặt 8 súng hồng y bằng gang, 4 súng quá sơn bằng đồng. Huyện thành đổi đặt 4 súng hồng y bằng gang, 4 súng quá sơn bằng đồng" (8). Tuy nhiên, quy mô, vai trò, vị trí của phủ thành, huyện thành là khác nhau. Nếu bố trí phân đều như vậy là không hợp lý. Vì vậy, Bộ Binh bàn tâu: "Bắc Kỳ có 12 tỉnh thành, 23 phủ thành, 69 huyện thành tựu trung lớn nhỏ có khác nhau, thí dụ như Hà Nội nguyên là Bắc Thành, Lý Nhân nguyên là Sơn Nam, quy chế so với tỉnh khác thì rộng hơn. Còn bộ phận năm tỉnh Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh và Hưng Yên thì quan trọng hơn sáu tỉnh Hưng Hóa, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Quảng Yên và Cao Bằng. Vậy cần nên lựa tính đặt súng lớn mới thích hợp. Xin trước hãy căn cứ vào những nơi đã xây đắp thành rồi: tỉnh thành có 12, phủ thành có 22, huyện thành có 6, nên đặt các hạng súng 916 cỗ, cỗ nào cũng có 100 viên đạn. Đem 241 cỗ hiện trữ ở các tỉnh và chuyển vận 675 cỗ ở Kinh thành ra chia theo số ngạch mà đặt. Còn 1 phủ thành và 63 huyện thành chưa xây đắp thì nên đặt các hạng súng 560 cỗ, đợi sau sẽ chiếu theo nghị định tiếp tục làm. Còn các súng bằng gang, bằng sắt nguyên trước đặt ở các phủ thành, huyện thành đều nhỏ quá thì đem về tỉnh để dùng"

(9). Vua Minh Mệnh chuẩn y lời bàn của bộ Binh và cho thi hành.

Đến tháng 4 năm 1834, để phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương, triều đình lại đổi định việc đặt súng lớn ở các thành cấp tỉnh, phủ, huyện thuộc Bắc Bộ. Theo đó, Hà Nội cho đặt 1 cỗ súng đồng đại luân xa, 6 cỗ súng gang tướng quân, 24 cỗ súng gang hồng y, 38 cỗ súng đồng quá sơn. Năm tỉnh thành Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên đều cho đặt 1 cỗ súng đồng đại luân xa, 2 cỗ súng đồng phách sơn, 16 cỗ súng gang hồng y, 16 cỗ súng đồng quá sơn. Ba tỉnh thành Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên đều cho đặt 1 cỗ súng đồng đại luân xa, 1 cỗ súng đồng phách sơn, 2 cỗ súng gang phách sơn, 8 cỗ súng gang hồng y, 10 cỗ súng đồng quá sơn. Ba tỉnh thành Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Yên đều cho lắp đặt 1 cỗ súng đồng phách sơn, 2 cỗ súng gang phách sơn, 8 cỗ súng gang hồng y, 10 cỗ súng đồng quá sơn. 21 phủ thành ở Bắc Bộ đều cho đặt 4 cỗ súng gang hồng y, 4 cỗ súng đồng quá sơn. Duy có phủ thành Lý Nhân rộng hơn thì số lượng súng đại bác có tăng lên gồm 1 cỗ súng gang tướng quân, 5 cỗ súng gang hồng y, 6 cỗ súng đồng quá sơn, còn 6 huyện thành thì đều cấp cho 4 cỗ súng gang hồng y, 2 cỗ súng đồng quá sơn (10). Từ tháng 8 đến tháng 12 năm 1835, vua Minh Mệnh tiếp tục chuẩn định chia đặt các cỗ súng đại bác ở các thành phủ, huyện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoa, Ninh Bình, 6 tỉnh Nam Kỳ và thành Trấn Tây. Theo đó, tỉnh thành Nghệ An 44 cỗ, tỉnh thành Hà Tĩnh 50 cỗ, tỉnh thành Thanh Hoa 44 cỗ, tỉnh thành Ninh Bình 40 cỗ (11), tỉnh thành Gia Định 70 cỗ, tỉnh thành Biên Hoà 32 cỗ, tỉnh thành Vĩnh Long 36 cỗ, tỉnh thành Định Tường 22 cỗ, tỉnh thành An Giang 100 cỗ, tỉnh thành Hà Tiên 80 cỗ và thành Trấn Tây 122 cỗ (12).

Bên cạnh việc chuẩn định việc đặt súng ở các thành, phủ, huyện, triều Nguyễn cũng thường xuyên kiểm tra thực hư việc đặt súng cũng như quá trình sử dụng hoả khí ở những nơi đó. Tiêu biểu như tháng 8 năm 1864, vua Tự Đức cho rằng đồn cửa biển Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam hiện tại ít việc, nên sai tỉnh thần Đặng Huy Trứ tới xét các đồn bảo, nơi nào quan yếu thì liệu lượng để lại coi giữ, còn thì quân và súng đều rút về. Hộ đốc là Nguyễn Hiên, Bang biện là Phạm Truân, lại hội đồng khám xét lại cho xong rồi về Kinh đợi lệnh. Sau khi kiểm tra Nguyễn Hiên và Phạm Truân tâu: "Đồn bảo ở cửa biển ấy có 10 nơi, trong ấy có 7 nơi quan yếu (Điện Hải, An Hải, Hoá Khuê thuỷ, Hoá Khuê hạn, Mỹ Thị, Cẩm Lệ và Phúc Trạch), xin để lại lính và súng đóng giữ như cũ; còn 3 nơi không quan yếu lắm (Nghệ An, Du Xuyên và An Lơng) lính và súng đều cho rút về và bãi bỏ. Vua y cho" (13).

3. Quy định lắp đặt súng trên thuyền công

Bên cạnh việc định lệ đặt súng, thuốc nổ ở kinh thành và các tỉnh, phủ, trấn, huyện, đồn lũy, tấn sở, triều Nguyễn cũng định lệ đặt súng trên các thuyền công vụ của nhà nước. "Phàm thuyền công phái đi vận tải của công ở các địa phương, và phái đi ngoại quốc, ra biển tuần tiễu đều có đặt súng, đạn, thuốc, để giúp việc phòng giữ" (14). Khi thực hiện các chuyến đi ngoại giao, công cán nước ngoài, đặc biệt là phương Tây, quãng đường xa với nhiều phức tạp, khó khăn trong hành trình đã khiến triều Nguyễn thường sử dụng các loại thuyền lớn, trên đó cho đặt các loại hoả khí hạng nặng cùng với số lượng đạn dược, thuốc nổ nhiều hơn. Tiêu biểu như năm 1825, vua

Minh Mệnh chuẩn y lời tâu đặt súng, đạn, thuốc nổ, ống pháo Thăng thiên trên các thuyền Thụy Long, An Dương, An Ba, Bình Ba nhất hiệu, Bình Ba nhị hiệu khi các thuyền này đi tới Hạ Châu: "Cho chọn 72 cỗ súng các hạng đồng, gang và 1.440 hòm đạn nhồi gang, 1.440 phát thuốc nổ, 80 cái ống pháo thăng thiên" (15). Năm 1836, khi phái 2 thuyền Thụy Long, Bình Phượng và 2 thuyền Vân Điêu, Thanh Loan đi ngoại dương, vua Minh Mệnh ra chỉ dụ cấp hoả khí cho các thuyền này để thực hiện công việc phòng bị và cả diễn tập. Theo đó, "2 thuyền Thụy Long, Bình Phượng, cho đều đặt đại bác 6 cỗ, và súng Quá sơn, Chấn hải đều 10 cỗ; 2 thuyền Vân Điêu, Thanh Loan, cho đều đặt đại bác 4 cỗ, súng Chấn hải, Quá sơn đều 6 cỗ, và đủ cả đạn các hạng liên châu, lan can kèm theo các súng" (16). Năm 1839, vua Minh Mệnh lại ra chỉ dụ định lệ đặt súng trên các thuyền Bình Phượng, Thụy Long, Phấn Bằng, Tiên Lê, Tưởng Hạt, Thanh Loan, Vân Điêu, Kim Chu, Thần Giao, khi các thuyền này đi nước ngoài công cán (17).

Đối với các thuyền thực hiện công việc tuần tra, vận chuyển trong nước, nhà nước cùng định lệ trang bị hoả khí trên thuyền. Năm 1838, vua Minh Mệnh chuẩn y đặt súng trên thuyền Hải vận, theo đó, "mỗi chiếc thuyền Hải vận, thì dùng hạng súng đồng Quá sơn, hoặc dùng xen lẫn hạng súng đồng Phách sơn gồm 6 cỗ, và 2 cây súng thần công" (18). Năm 1839, vua Minh Mệnh tiếp tục ra chỉ dụ trang bị thêm hoả khí cho các thuyền Hải Vận, Điện Hải khi thực hiện vận chuyển của công: "Phàm mỗi chiếc thuyền Hải vận, ở đầu thuyền chia đặt 1 cỗ súng gang Hồng y; 2 bên tả hữu, hoặc dùng xen lẫn 6 cỗ súng các hạng như Vũ công, Phách sơn, Thành công, Quá Sơn, Mỗi thuyền Điện Hải thì 2 bên tả hữu, hoặc dùng xen vào 4 cỗ súng các hạng như: Vũ Công, Phách Sơn, Thành công, Quá Sơn; mỗi cỗ 50 hòm đạn" (19). Đến thời Thiệu Trị, nhà vua tiếp tục ra các chỉ dụ về đặt súng trên các hạng thuyền như Cự hải và Hải đạo (1840), thuyền Điện Phi (1843), thuyền Thái Loan, Thọ Lạc (1844), thuyền Thụy Long, Tường Hạc, Tĩnh Dương (1846) (20).

4. Quy định sử dụng thuốc nổ cho các loại súng

Trong các loại vũ khí dưới triều Nguyễn, súng là loại vũ khí phức tạp nhất, với nhiều chủng loại khác nhau cũng như cách vận hành. Vì vậy, triều đình quản lý rất chặt chẽ đối với loại vũ khí này. Trong đó, việc chuẩn định lượng thuốc súng cho từng loại súng là một trong những biểu hiện tập trung nhất. Theo đó, trong từng loại súng, tùy thuộc vào kích thước nòng súng mà triều đình xác định lượng thuốc súng được cấp cho mỗi lần bắn nhiều ít khác nhau.

Đối với các hạng súng đồng, gang, sắt, dưới thời vua Minh Mệnh, vào năm 1830, nhà nước đã quy định lượng thuốc nổ mỗi phát cho từng loại đường kính nòng súng và đến năm 1840, triều đình tiến hành chuẩn định lại với các số liệu cụ thể được thể hiện trong bảng 1.

Ghi chép trong *Đại Nam thực lục* cũng cho biết, không chỉ ban hành quy định chung về việc sử dụng thuốc nổ theo kích cỡ nòng đối với các loại súng đồng, gang, sắt mà đối với các loại súng khác, triều đình Nguyễn cũng có những quy định khá chi tiết. Bảng thống kê dưới đây về vấn đề sử dụng thuốc nổ theo kích cỡ nòng đối với loại

súng Xung tiêu sẽ giúp thấy rõ điều này 1834, vua Minh Mệnh quy định rõ: "Từ

Bảng 1: Quy định sử dụng thuốc nổ theo kích cỡ nòng súng dưới thời vua Minh Mệnh

Đường kính nòng súng		Lượng thuốc súng sử dụng cho mỗi phát bắn						
		Năm 1830			Năm 1840			
Tấc	phân	Cân	Lạng	Đồng	Cân	Lạng	Đồng	Phân
5	2	20	0	0	16	0	0	0
4	2	15	0	0	12	0	0	0
4	1	14	0	0	11	3	2	0
4	0	13	0	0	10	6	4	0
3	9	12	0	0	9	9	6	0
3	8	11	0	0	8	12	8	0
3	7	10	0	0	8	0	0	0
3	6	9	0	0	7	3	2	0
3	5	8	0	0	6	6	4	0
3	4	7	8	0	6	0	0	0
3	3	7	0	0	5	9	6	0
3	2	6	8	0	5	3	2	0
3	1	6	0	0	4	12	8	0
3	0	5	8	0	4	6	8	0
2	9	5	0	0	4	0	0	0
2	8	4	8	0	3	9	6	0
2	7	4	0	0	3	3	2	0
2	6	3	8	0	2	12	8	0
2	5	3	0	0	2	6	4	0
2	4	2	12	0	2	3	2	0
2	3	2	8	0	8	0	0	0
2	2	2	4	0	1	12	8	0
2	1	2	0	0	1	9	6	0
2	0	1	12	0	1	6	4	0
1	9	1	8	0	1	3	2	0
1	8	1	4	0	1	0	0	0
1	7	1	0	0	0	12	8	0
1	6	0	14	0	0	11	2	0
1	5	0	12	0	0	9	6	0
1	4	0	10	0	0	8	0	0
1	3	0	8	0	0	6	4	0
1	2	0	6	0	0	4	8	0
1	1	0	4	0	0	3	2	0
1	0	0	3	0	0	2	4	0
0	9	0	2	5	0	1	0	0
0	8	0	2	0	0	1	6	0
0	7	0	1	5	0	1	2	0
0	6	0	1	0	0	0	8	0
0	5	0	0	8	0	0	6	4
0	4	0	0	5	0	0	4	0

Nguồn: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập III, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 80-83; Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập V, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 776-778.

(*xem bảng 2*).

Trong quá trình sử dụng, nếu người vận hành súng nhồi thuốc súng không đúng liều lượng hay sai kỹ thuật gây ra hậu quả thì sẽ phải chịu hình thức xử phạt nghiêm khắc. Cụ thể, tháng 10 năm nay, hễ có bắn, thì một người trong bọn Tướng quân, Tham tán và Lãnh binh đương ban phải thân đến xem xét khắp cả một lượt, từ viên đạn đã dùng đến ngòi thuốc đã nhồi đều phải đúng phép tất cả, giữ cho khỏi xảy mối lo bất ngờ. Nếu

không theo đúng phép, để đến nỗi vỡ nứt thì người nhồi thuốc đạn sẽ bị chém đầu để bảo cho mọi người biết; còn kẻ bắn và kẻ chỉ thị đều bị phân biệt trị tội nặng. Các Tướng quân, Tham tán và Lãnh binh cũng có lỗi" (21).

5. Quy định sử dụng hoả khí trong thao diễn

Trong các đợt thao diễn, tùy vào tính chất, mức độ, quy mô mà nhà nước có quy định sử dụng số lượng, chủng loại hoả khí, số lượng đạn và lượng thuốc súng khác nhau.

Bảng 2: Quy định sử dụng thuốc nổ theo kích cỡ nòng đối với súng Xung tiêu dưới thời vua Minh Mệnh

Đường kính nòng súng		Đường kính nòng thuốc		Mỗi phát	
Tấc	Phân	Tấc	Phân	Cân	Lạng
7	7	4	2	12	0
5	0	2	8	4	0
5	0	2	3	2	8
4	4	2	0	2	0
4	3	2	0	2	0
4	2	2	3	1	4
4	0	2	6	2	0
4	0	2	5	2	0
3	9	2	5	2	0
3	9	1	7	1	2
1	9	1	6	1	0
3	8	2	5	2	0
3	8	2	1	1	12
3	8	1	9	1	10
3	8	2	2	2	0
3	8	1	6	1	2
3	7	2	5	2	10
3	7	2	0	2	10
3	6	1	2	2	0
3	6	2	1	2	0
3	6	1	5	1	0
3	5	2	5	2	0
3	5	2	0	0	4
3	3	2	4	2	0
3	2	1	6	2	0
2	9	1	7	1	8
2	8	2	2	2	0
2	7	1	3	0	14
2	6	1	6	1	0
2	5	1	2	0	6
2	5	1	1,5	0	6
2	3	1	1	0	6
2	1	1	0	0	5
1	9	1	5	0	12
1	8	1	1	0	5
1	8	1	0	0	5
1	8	0	9	0	4
1	7	1	0	0	4
1	7	0	9	0	4
6	6	0	0	0	6
4	4	0	0	0	3
3	5	0	0	2	8
3	0	0	0	2	0
2	9	0	0	1	10
2	7	0	0	1	6
2	6	0	0	1	4
2	5	0	0	1	2
2	3	0	0	0	15

Nguồn: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập III, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 80-83.

Đối với việc rèn luyện mang tính chất cá nhân, hoả khí được sử dụng chủ yếu là súng tay, tùy theo cấp bậc mà nhà nước cấp phát cho lượng đạn dược và thuốc súng cũng như có quy định rõ về số phát bắn được phép thực hiện. Năm 1823, trong đợt tập bắn của quản vệ, suất đội các quân dinh Thị trung, Thị nội, mỗi người được cấp một khẩu súng tay, 8 lạng thuốc súng và 2 cân chì (22). Đến tháng 8 năm 1830, triều đình lại quy định: "Phàm diễn bắn súng điểu thương, ở Kinh từ Phó vệ uý trở lên cấp cho mỗi người hai cân thuốc súng, 2 lạng tín dược, 8 cân đạn chì, 3 miếng đá lửa, cai đội hiệu uý đội Cẩm y và suất đội các quân thì cấp cho mỗi người 1 cân thuốc súng, 1 lạng tín dược, 2 cân đạn chì, 2 miếng đá lửa, các viên tử có tên ở sách Hoa danh thì cấp cho mỗi người 8 lạng thuốc súng, 5 đồng cân tín dược, 1 cân đạn chì, 1 miếng đá lửa. Các vệ đội ở ban cùng giáo dưỡng binh diễn bắn súng quá sơn thì cấp cho mỗi người 6 phát thuốc súng, diễn bắn súng điểu thương thì cấp cho mỗi người 12 phát thuốc súng)" (23).

Trong các quy định về sử dụng hoả khí khi luyện tập đối với quan viên thì quy định được ban hành vào tháng 8 năm 1855 dưới thời vua Tự Đức là chặt chẽ và rõ ràng nhất. Theo đó, Thần cơ, Tiền phong, Long võ, Hổ oai, Hùng nhuệ, Kỳ võ; các bảo, viện Thượng tứ, vệ Võng thành, đội Giáo dưỡng, đội Trấn phủ, các vệ Thuỷ sư và các viên suất đội ở ngoài các tỉnh, thì cấp cho thuốc súng đều 15 phát, mỗi phát 1 đồng cân 5 phân thuốc đạn chì 15 viên, đá lửa 1 phiến; ở Kinh: ban văn thì đình thần, ban võ thì từ thống chế trở lên, mỗi viên nên cấp cho 80 phát thuốc súng, mỗi phát 1 đồng cân thuốc cộng thành 8 lạng thuốc, 50 viên đạn chì và 4 phiến đá lửa. Chưởng vệ mỗi viên nên cấp cho 60 phát thuốc súng, cộng thành 6 lạng thuốc, 30 viên đạn chì và 3 phiến đá lửa. Nhất đẳng nhị vệ, văn võ phò mã đô uý, lang trung, khoa đạo, viên ngoại lang, mỗi viên nên cấp cho 30 phát thuốc súng, cộng thành 3 lạng thuốc, 29 viên đạn chì và 2 phiến đá lửa. Đến kỳ diễn tập, các viên ấy đều phải chiểu lĩnh các thứ đủ số. Quan viên văn võ tại Kinh, đều phải đến trường bia Đông Gia, theo lệ, tập bắn (24).

Đối với các kỳ diễn tập có nhiều nội dung phối hợp, triều đình cũng quy định định mức các loại hoả khí, đạn dược được sử dụng khá chi tiết. Tiêu biểu như tháng 6 năm 1831, trong điều lệ thao diễn voi ở Kinh quy định: "Mỗi lần thao diễn riêng có 3 cỗ súng quá sơn, 60 khẩu súng điểu thương mỗi khẩu thuốc súng đều đủ 5 phát, pháo Du long, pháo Hoả sa đều 15 ống, 60 bó đuốc. Mỗi lần thao diễn chung có 4 cỗ súng Võ công tướng quân, 15 cỗ súng quá sơn, 500 khẩu súng điểu thương, thuốc súng đều 5 phát; 100 ống Du long pháo, 150 ống Hoả sa pháo, 350 bó đuốc. Những thuốc súng và vật dẫn là đều lấy ở kho ra" (25). Năm 1833, vua Minh Mệnh lệnh cho các tỉnh từ Quảng Trị trở ra Bắc phải đặt trường bắn bia để thao diễn, từ Quản vệ đến Suất đội đều được cấp 24 phát, lính 12 phát, đạn chì chỉ cấp cho 1 lần. Hạt nào có thuốc đạn cũ dùng vào 2 hạng súng lớn và súng vừa, cũng chuẩn cấp cho lính pháo thủ, tập bắn súng quá sơn (mỗi người đều 6 phát, dùng đạn bằng đất). Cuối năm tâu số đạn dùng hết, còn đạn cũ sắp hết thì làm thành tập tâu xin cấp thêm đạn mới, để trữ sẵn mà dùng (26).

Tháng 6 năm 1834, khi định phép rèn quân và duyệt võ cho các tỉnh từ Hà Tĩnh ra Bắc, vua Minh Mệnh một lần nữa nói rõ hơn về việc sử dụng hoả khí trong diễn tập: "Dùng súng điểu sang để giết giặc, còn lợi hơn đao và thương. Những biền binh cầm súng điểu sang máy đá, thì những máy móc then chốt trong súng đều phải biết rõ từng

cái. Khi đi trận, mỗi khẩu kèm theo dăm ba viên đá lửa, không được đổi dùng bùi nhùi. Người cầm súng điểu sang máy Trung Quốc dẫu chẳng khó bằng súng điểu sang máy đá, nhưng lúc châm lửa vào bùi nhùi, cũng nên cẩn thận, chớ để nổ nhanh. Phép diễn tập: nên cho trước tập châm lửa đốt ngòi thuốc. Khi đã biết làm rồi, bấy giờ mới cho đứng lên trên ụ, trước hãy cho bắn 3 phát thuốc không, rồi mới cho bắn 3 phát đạn thuốc để cho làm được tinh tường. Đến như sức thuốc và viên đạn cốt phải xứng với nòng súng thì mới đi xa mà trúng đích" (27).

Tháng 10 năm 1838, triều Nguyễn định rõ việc thao diễn bắn súng ở Kinh cũng như định mức vũ khí các hạng binh được sử dụng trong sự kiện này. Theo đó, hằng năm kỳ tháng 7 chia ban, làm chỗ bắn bia ở đồng ruộng phía nam, các biền binh cầm súng điểu thương mỗi người được cấp thuốc súng 6 phát, đạn chì 6 viên, suất đội mỗi người được cấp thuốc súng 24 phát, đạn chì 12 viên, thay đổi nhau tập bắn. Lại mang đến 2 thứ súng quá sơn, thần công mỗi vệ mỗi thứ 2 cỗ, mỗi cỗ cấp cho 3 phát thuốc, quản vệ lần lượt nhau mỗi thứ 2 cỗ, mỗi cỗ cấp cho 3 phát thuốc, quản vệ lần lượt xem diễn, phái bộ ty đi đến ghi chép, viên thống quản cũng bất kỳ chợt thân đến xem xét. Người nào kỹ nghệ tinh thạo thì tâu xin khen thưởng, người không thạo thì phạt đánh bằng roi (28).

Bên cạnh quản lý về định mức số lượng đạn dược, thuốc súng, triều đình cũng rất coi trọng việc bảo đảm an toàn trong quá trình tập bắn. Tháng 6 năm 1846, vua Thiệu Trị ra chỉ dụ về việc bắn súng như sau: "Gần đây, ở Quảng Trị, Gia Định diễn tập voi trận, quân pháo thủ đều nhỡ bắn chết người, đều đã lượng tình định tội. Nhân nghĩ: việc dùng súng rất là quan trọng, khi có sơ nhỡ, dễ đến chết người! Từ nay, hễ đến kỳ diễn tập voi trận, quan thượng ty sở tại cần chuyển sức cho các quản suất, phải thân tự kiểm điểm cốt cho đúng phép, không được chuyên uỷ quân pháo thủ tuỳ ý bắn ra. Nếu có lỗi lầm như thế, trừ kẻ phạm phải trị tội nặng, quản suất phải chiếu lệ xử phân ra, các thượng ty không biết sức rõ, cũng khó chối tội lỗi. Vậy thông dụ cho biết" (29).

6. Quy định thưởng phạt đối với hoạt động sử dụng hoả khí

Vua Minh Mệnh từng nói: "Thưởng phạt đúng phép là đạo dụng binh. Có công không thưởng thì lấy gì mà khuyến khích" (30). Chính vì thế, trong quá trình sử dụng vũ khí, nhà nước thường xuyên tiến hành ban thưởng cho cá nhân, tổ chức nào sử dụng hiệu quả các loại vũ khí.

Trước hết là về thao diễn quân sự, trong các lần diễn ra hoạt động này, các hoàng đế triều Nguyễn đều ban chỉ dụ hoặc chuẩn tâu thưởng cho binh lính hoặc quan lại có thành tích cao trong việc sử dụng có hiệu quả các loại vũ khí. Tiêu biểu như năm 1821, vua Minh Mệnh thăm trường súng, xem các quân diễn bắn và sai người hằng ngày đến trường bắn xem ai bắn trúng thì thưởng, cứ ba ngày một lần tâu lên. Nếu bắn trúng đích thưởng 2 lạng bạc, trúng khuyên thưởng 1 quan tiền (31). Năm 1823, vua Minh Mệnh ra chỉ thưởng cho các biền binh dinh Thần cơ diễn tập bắn súng quá sơn. Theo đó, "hạng ưu (bắn 3 phát đều trúng khuyên và phá vỡ cái đích) được thưởng 3 quan; hạng bình (phá đích hai lần, hoặc phá đích 1 lần, trúng khuyên 1 lần, hoặc trúng khuyên 2 lần) thưởng 1 quan. Đối với biền binh ở vệ Thị trung, Thị nội, quân Thần sách diễn tập súng điểu thương, mỗi người bắn 6 phát: hạng nhất (bắn phá đích, trúng khuyên 4 lần, hoặc trúng khuyên 5 lần) thưởng 3 quan; hạng nhì (phá đích 1 lần, trúng khuyên 2 lần, hoặc trúng khuyên 4

lần) thưởng 2 quan; hạng ba (phá đích 1 lần, trúng khuyên 1 lần, hoặc trúng khuyên 2 lần) thưởng 1 quan" (32).

Trong cuộc diễn tập thủy quân và súng lửa năm 1824, vua Minh Mệnh cũng đã ban thưởng cho những người có thành tích tốt trong việc sử dụng vũ khí: "*4 người hạng nhất, mỗi người 4 quan; 3* người hạng nhì, mỗi người 3 quan; 28 người hạng ba, mỗi người 2 quan; về diễn tập súng lớn: 11 hạng nhì, mỗi người 2 quan; 5 người hạng ba, mỗi người 1 quan" (33). Cũng trong năm 1824, vua Minh Mệnh ra chỉ dụ ban thưởng cho biền binh các vệ, đội Trung hầu, Tả hầu, Hữu hầu dinh Thần cơ diễn tập súng quá sơn. Mỗi người bắn sáu phát. Hạng ưu (phá đích, trúng khuyên 6 hay 5 lần) thưởng 3 quan tiền; hạng bình (phá đich trúng khuyên 4 hay 3 lần) thưởng 2 quan tiền; hạng thứ (phá đích, trúng khuyên 2 lần) thưởng 1 quan (34). Năm 1826, trong cuộc diễn tập bắn súng điểu thương, vua Minh Mệnh cũng ban dụ thưởng: "hạng ưu (trúng khuyên 8, 9, 10 phát) thưởng 3 quan tiền; hạng bình (trúng khuyên 6, 7 phát) thưởng tiền 2 quan; hạng thứ (trúng khuyên 4,5 phát) thưởng tiền 1 quan" (35). Năm 1839, vua Minh Mệnh cho lập trường thao diễn ở Nam Dã, sai biền binh tại Kinh diễn bắn súng nhỏ, súng lớn, đồng thời định lệ thưởng phạt để thi hành. "Biền binh bắn điểu sang mỗi người bắn 6 phát. Nếu trúng đích 1 phát thưởng cho 5 tiền, 2 phát thưởng cho 1 quan. Từ trúng 3 phát trở lên là ưu hạng, thưởng 3 quan, trúng vòng khuyên 1 phát thưởng 3 tiền, 2 phát thưởng 6 tiền, 3 phát thưởng 9 tiền, 4 phát thưởng 1 quan 2 tiền, 5, 6 phát cũng thưởng 3 quan. Suất đội mỗi người bắn 24 phát. Nếu trúng đích 4 phát hoặc trúng vòng khuyên 8 phát, thưởng 5 tiền; nếu trúng đích 6 phát hoặc trúng vòng khuyên 12 phát, thưởng 1 đồng ngân tiền Phi long hạng nhỏ; nếu trúng đích 8 phát hoặc trúng vòng khuyên 16 phát, thưởng 2 đồng; trúng đích 10 phát hoặc trúng vòng khuyên 20 phát, thưởng 3 đồng. Đối với các loại súng đại luân xa, quá sơn, thần công, mỗi hạng đều 6 phát, nhưng do súng lớn khó hơn, nên lệ thưởng cho gấp đôi" (36).

Bên cạnh ban thưởng cho việc sử dụng hiệu quả các loại hoả khí, triều Nguyễn cũng có hình phạt đối với việc sử dụng hoả khí sai quy định dẫn đến hiệu quả thấp. Tháng 5 năm 1834, vua Minh Mệnh truyền dụ cho các Tướng quân, Tham tán, Lãnh binh ở quân thứ Gia Định về việc sử dụng không đúng cách các hạng đại bác và chấn địa lôi dẫn đến hiệu quả thấp như sau: "Nếu đạn bắn không nổ hoặc nổ lưng chừng hay bắn sai đích vào chỗ đất không, thì tùy theo nặng nhẹ mà trị tội: hoặc phạt đánh bằng trượng, hoặc đóng gông, hoặc cắm tên vào tai, bêu quanh doanh trại để răn kẻ khác. Nếu chỉ thường thường không quan trọng, thì hằng ngày cho ghi kỹ tên họ người bắn, và bắn vào những đâu, rồi dăm ba ngày đem đối chiếu một lần, xét về công, tội. Nếu công, tội ngang nhau thì miễn nghị; nếu công không bù được tội, thì trừng phạt có phân biệt; nếu công nhiều hơn tội thì liệu khen thưởng" và "hễ dăm ba ngày, đến kỳ kiểm xét, cứ lấy số 100 hay số 10 phát làm mức mà định công, tội. Thí dụ: mười phần đều trúng vào thành, rơi xuống đất, rồi nổ, thế là có công, không tội; nếu trúng vào thành chỉ được 8, 9 phần 10, còn lại 1 phần bắn sai thì công, tội ngang nhau. Nếu trúng 9 phần hay không được 9 phần mà 1 phần lỡ làm bị thương quân lính [của mình] thì đều là công không bằng tội. Những người nạp thuốc súng cũng được xét công, tội, định thưởng phạt theo những kỳ xét ấy. Về sau, thấy những kỳ xét ngặt ngày quá, đổi làm một tháng hay hai tháng mới xét một lần" (37). Bên cạnh đó,

nội dung định lệ thưởng phạt ở thao trường Nam Dã, cũng cho giới nghiên cứu biết được, nếu thực hiện không tốt việc thao diễn với hoả khí thì tùy vào chức vụ, cấp bậc phải chịu hình phạt tương ứng. Cụ thể, với biền binh "2 phát không trúng ụ, hãy tạm ghi lỗi, đến 3 phát không trúng thì phạt quyết xuy 10 roi; 4 phạt quyết xuy 20 roi, 5, 6 phát quyết xuy 30 roi; với Suất đội "hai phát không trúng ụ bia cũng tạm ghi lỗi, đến 3 phát không trúng ụ thì phạt quyết xuy 10 roi; cứ thêm mỗi phát không trúng lại phạt gia lên 1 bậc, tội đến 50 roi là cùng" (38).

Tóm lại, trong giai đoạn 1802-1884, để nâng cao hiệu quả quản lí hoạt động sử dụng hoả khí, các vua triều Nguyễn đã ban hành và thực thi một số quy định liên quan đến vấn đề này, gồm quy định bắn súng khi tàu thuyền ra vào tấn sở; đặt súng đại bác ở các thành, trấn; lắp đặt súng trên thuyền công; sử dụng thuốc nổ cho các loại súng; sử dụng hoả khí trong thao diễn và định lệ thưởng phạt đối với hoạt động sử dụng hoả khí. Có một điểm rất dễ dàng nhận ra, đó các quy định này về cơ bản đều được đặt nền móng và hoàn thiện dưới thời vua Minh Mệnh, còn các đời vua sau chỉ kế thừa và áp dụng trong thực tế dựa trên những quy định đã được ban hành trước đó, hoặc nếu có điều chỉnh, bổ sung thì cũng chỉ ở một vài nội dung nhỏ. Cho nên, các nguồn sử liệu trong *Đại Nam thực lục* hay *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* đề cập nhiều về những quy định được ban hành dưới thời vua Minh Mệnh, liên quan đến vấn đề quản lí hoạt động sử dụng hoả khí cũng là điều hoàn toàn dễ hiểu. Mặc dù không có nhiều những ghi chép về việc triển khai cũng như hiệu quả thực tế trong quá trình áp dụng các quy định sử dụng hoả khí nêu trên, tuy nhiên, việc ra đời của các quy định này có lẽ ở một mức độ nhất định cũng đã có tác dụng điều chỉnh và đưa hoạt động sử dụng hoả khí dưới triều Nguyễn ở giai đoạn 1802-1884 đi vào trật tự, quy củ, qua đó thể hiện vai trò quản lí và kiểm soát chặt chẽ của vương triều Nguyễn đối với loại vũ khí quan trọng này.

CHÚ THÍCH

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 391.

(2), (8), (9), (23), (25), (26). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập III, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 21-22, 691, 691, 103, 207, 698.

(3), (10), (11), (12), (21), (27), (37). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập IV, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 667, 165, 750-751, 827, 384, 217, 181.

(4), (5), (6), (28), (36), (38). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập V, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 104, 104, 106, 405, 569-570, 569.

(7), (13), (24). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập VII, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 1320, 868, 390.

(14), (15), (16), (17), (18), (19), (20). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ,* tập 15, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 269, 304, 304, 304-305, 304, 304, 305-306.

(22). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 306.

(29). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập VI, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 911-912.

(30), (31). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 118, 125.

(32), (33), (34), (35). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 5, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 324, 325, 325, 325.